

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21-02-2022
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tấn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Nước

2. Ông Hà Văn Quen

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Lâm – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải tham gia phiên tòa: Ông Trương Thanh Hà, Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 02 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2021/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Ngọc T, sinh năm 1988 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh

Bị đơn: Ông Trần Văn S, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 10 năm 2021 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc T đã trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Bà và ông Trần Văn S tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn ngày 21/11/2007 tại UBND xã Long Hữu. Trong thời gian chung sống vợ chồng bà xảy ra mâu thuẫn vào năm 2021. Nguyên nhân là do vợ chồng bà bất đồng quan điểm trong công việc và cuộc sống hàng ngày. Mâu thuẫn vợ

chồng ngày càng nhiều. Từ đó vợ chồng sống ly thân. Nay bà T cho rằng không còn tình cảm với ông S nên yêu cầu được ly hôn ông S.

- Về con chung: bà T khai bà và ông S có con chung là Trần Thị Ngọc X, sinh ngày 17/02/2008. Con hiện bà đang nuôi nên yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T khai vợ chồng bà không có nợ chung.

Bị đơn ông Trần Văn S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng không nộp văn bản nêu ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng không lấy được lời khai của bị đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử: Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử có mặt tại Tòa đã thực hiện đúng các thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Ngọc T.

+ Về con chung: Vị Kiểm sát viên đề nghị giao con chung là Trần Thị Ngọc X, sinh ngày 17/02/2008 cho bà Phạm Thị Ngọc T nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không có yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

+ Về tài sản chung: Bà T không có yêu cầu chia tài sản chung, còn ông S chưa có ý kiến về tài sản chung của vợ chồng nên đề nghị không xem xét.

+ Về nợ chung: Bà T khai bà và ông S không có nợ chung; ông S cũng chưa có ý kiến về nợ chung nên đề nghị không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Về kiến nghị khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: bà Phạm Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Trần Văn S và yêu cầu giải quyết việc nuôi con giữa bà T và anh S. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Trần Văn S có hộ khẩu thường trú tại Ấp A, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Trần Văn S là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét ý kiến của nguyên đơn và Kiểm sát viên tại phiên tòa và căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Văn S.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Ngọc T và ông Trần Văn S tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 21/11/2007 tại UBND xã Long Hữu theo đúng quy định pháp luật. Vì vậy, hôn nhân của bà T và ông S là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo bà T trong thời gian chung sống, giữa bà và ông S có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong công việc và cuộc sống. Tại phiên tòa, nguyên đơn còn cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do ông S có con riêng với người khác cách đây khoảng 04 năm. Kết quả xác minh của Tòa án thể hiện không rõ là giữa bà T và ông S có mâu thuẫn gì nhưng thực tế là ông S và bà T đã ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổ chức hòa giải tạo điều kiện để bà T và ông S đoàn tụ tiếp tục chung sống nhưng bà T vẫn cương quyết ly hôn ông S. Còn ông S không đến Tòa án dự phiên họp hòa giải. Khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Hội đồng xét xử thấy rằng vợ chồng muốn được hạnh phúc là phải cùng yêu thương nhau, cùng chung sống và cùng mong muốn xây đắp gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên sau khi Tòa án tổ chức hòa giải, bà T một mực cương quyết yêu cầu ly hôn ông S vì cho rằng không còn tình cảm với anh S và không muốn tiếp tục chung sống với ông S. Điều này cho thấy khả năng để bà T và ông S đoàn tụ để chung sống là rất khó thực hiện được. Bà T và ông S hiện tại đang sống ly thân. Từ đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Ngọc T như đề nghị của vị Kiểm sát viên.

[5] Về nuôi con: Bà Phạm Thị Ngọc T và ông Trần Văn S có con chung là Trần Thị Ngọc X, sinh ngày 17/02/2008. Cháu X hiện đang sống chung với bà T và có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với bà T. Sau khi xem hết các điều kiện nuôi con của bà T, Hội đồng xét xử thấy giao cháu X cho bà Phạm Thị Ngọc T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp nguyện vọng của con, đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Phạm Thị Ngọc T là người được giao nuôi con chung nhưng không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau khi ly hôn, bà Phạm Thị Ngọc T có quyền yêu cầu ông Trần Văn S cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[7] Về tài sản chung: Bà T không có yêu cầu chia tài sản chung; ông S chưa có ý kiến về tài sản chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét giải quyết.

[8] Về nợ: Bà T khai bà và ông S không có nợ chung; ông S cũng chưa có ý kiến về nợ chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Bà T không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí hoặc không phải nộp án phí. Vì vậy, bà T là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Ngọc T. Bà Phạm Thị Ngọc T được ly hôn ông Trần Văn S.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Ngọc X, sinh ngày 17/02/2008 cho bà Phạm Thị Ngọc T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng và giáo dục theo nguyện vọng của con.

Không ai được quyền cản trở bà Phạm Thị Ngọc T trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Thị Ngọc X, cũng như cản trở ông Trần Văn S thăm nom con chung.

Vì lợi ích của cháu Trần Thị Ngọc X, khi cần thiết và có yêu cầu của ông Trần Văn S hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án sẽ xem xét giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Nếu ông Trần Văn S lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì bà Phạm Thị Ngọc T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom con của ông Trần Văn S theo quy định pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị Ngọc T không yêu cầu ông Trần Văn S cấp dưỡng nuôi cháu Trần Thị Ngọc X nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, bà Phạm Thị Ngọc T có quyền yêu cầu ông Trần Văn S cấp dưỡng nuôi cháu Trần Thị Ngọc X theo quy định pháp luật.

4. Về tài sản chung: Bà T không có yêu cầu chia tài sản chung; ông S chưa có ý kiến về tài sản chung nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, nếu bà Phạm Thị Ngọc T và ông Trần Văn S có tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng có được trong thời kỳ hôn nhân thì bà T hoặc ông S có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

5. Về nợ: Bà T khai bà và anh S không có nợ chung; ông S cũng chưa có ý kiến về nợ chung nên không xem xét.

6. Về án phí: Buộc bà Phạm Thị Ngọc T chịu án dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0006245 ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải. Như vậy, bà Phạm Thị Ngọc T đã nộp xong án phí. Ông Trần Văn S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

7. Nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Trần Văn S vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TX. Duyên Hải;
- Chi cục THADS TX. Duyên Hải;
- UBND xã Long Hữu;
- Dương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án. (9 bản)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Tấn Thanh